

# THAY ĐỔI NGÔN NGỮ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ VĂN HOÁ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Lê Văn Liêm

Học viện Chính trị khu vực III

---

## Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/10/2022

Ngày phản biện: 22/10/2022

Ngày duyệt đăng: 01/11/2022

## Title:

Language changes and orientation of Vietnam cultural values in the current context

## Từ khóa:

Thay đổi ngôn ngữ, định hướng, giá trị văn hóa Việt Nam

## Keywords:

Language changes, orientation, cultural values of Vietnam

## ABSTRACT

The content of the study presents the interaction between language and cultural values. Language and culture such as glue adhesive economic, political and social relationships, creating shapes and ethnic groups. Language and culture have the ability to directly cover, ensuring sustainability of historical inheritance and not mixed even when integrating the world. Language plays an important role in cultural expressions. The language system of each language is not merely a regeneration tool to express the ideas but it is the one who shapes the ideas. When the culture is dynamic and always changing, the language is the mirror that reflects the change. In fact, the language not only reflects the change, but also facilitates and creates a change. In specific historical and social circumstances, each nation exists general value system and parts value systems. The general value system and the parts of the parts have a great impact on Vietnam's psychology of morality and mental values. The great cultural change took place in Vietnam. The new language also appears to specify the new variables of the developed social environment.

## TÓM TẮT

Nội dung nghiên cứu trình bày mối quan hệ tương tác giữa ngôn ngữ và các giá trị văn hóa. Ngôn ngữ và văn hóa như chất keo kết dính các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, tạo nên hình hài, tộc người. Ngôn ngữ và văn hóa có khả năng bao trùm trực tiếp, đảm bảo tính bền vững của tinh kế thừa lịch sử và không bị trộn lẫn ngay cả khi hội nhập thế giới. Ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng trong các biểu hiện văn hóa. Hệ thống ngôn ngữ của mỗi ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là một công cụ tái tạo để diễn đạt các ý tưởng mà nó còn là người định hình các ý tưởng. Khi nền văn hóa năng động và luôn thay đổi, ngôn ngữ chính là tấm gương phản chiếu sự thay đổi. Trên thực tế, ngôn ngữ không chỉ phản ánh sự thay đổi, mà còn tạo điều kiện và tạo ra sự thay đổi. Trong hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể, mỗi quốc gia đều tồn tại hệ thống giá trị chung và hệ thống giá trị bộ phận. Hệ giá trị chung và các bộ phận có tác động rất lớn đến tâm lý đạo đức và giá trị tinh thần của Việt Nam. Sự thay đổi lớn về văn hóa đã diễn ra ở Việt Nam. Ngôn ngữ mới cũng xuất hiện để chỉ rõ những biến số mới của môi trường xã hội phát triển.

---

## 1. Đặt vấn đề

Một trong những quan niệm chung về văn hóa là văn hóa năng động và luôn thay đổi. Sự thay đổi là một đặc trưng vốn có của bất kỳ nền văn hóa nào - là kết quả của sự tác động lẫn nhau của các biến thể bên trong và ngoại lực. Do đó, văn hóa phải thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài và điều kiện bên trong. Một nền văn hóa không

thích ứng với những những thay đổi sẽ dẫn đến có nguy cơ tuyệt chủng. Trong khi đi tìm nguyên nhân cho sự thay đổi văn hóa, các nhà nghiên cứu thường căn cứ vào các yếu tố như chuyển đổi xã hội, kinh tế, công nghệ... diễn ra trong một nền văn hóa hoặc bị ảnh hưởng bởi các nền văn hóa khác - đó là điều hiển nhiên. Song trong tương quan động giữa ngôn ngữ và văn hóa được xác định như là sự

thúc đẩy thay đổi văn hóa thì cho đến nay vẫn còn hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức.

## 2. Kết quả nghiên cứu và bản luận

Ngôn ngữ là công cụ của tư duy, công cụ của giao tiếp xã hội, là bộ bách khoa toàn thư ghi lại toàn bộ hoạt động của toàn dân tộc. Ngôn ngữ có thể diễn tả, giải thích các ký hiệu khác của văn hoá và sự phát triển của các hệ thống khác đều liên quan đến sự phát triển của ngôn ngữ. Sự liên quan giữa ngôn ngữ và văn hoá gắn bó tới mức không một bộ phận nào thuộc về văn hoá của một dân tộc lại có thể được nghiên cứu tách rời khỏi ngôn ngữ. Mỗi dân tộc bằng công cụ tư duy của mình đã nhận thức thế giới khách quan và phân tách thực tại theo tâm thức của họ. Qua ngôn ngữ người ta nhận diện được những nét đặc trưng của vũ trụ quan, thế giới quan và nhân sinh quan của mỗi dân tộc. Là công cụ giao tiếp chủ yếu của xã hội, ngôn ngữ đã sản sinh, truyền đạt và bảo quản tất cả các hệ thống thông tin của mỗi dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngôn ngữ dân tộc tạo nên những thế giới đa màu sắc, những bức tranh toàn cảnh đa dạng với biết bao tri thức vô cùng phong phú và quý giá. Nói như người da đỏ Mixe ở Mexico: *“Sẽ chẳng hay ho gì nếu để tiếng Mixe biến mất. Đó là văn hoá của chúng ta, một nền văn hoá mà chúng ta thừa hưởng của tổ tiên. Nếu ngôn ngữ này biến mất chúng ta chẳng có gì của quá khứ nữa và con em chúng ta chẳng thể nhận ra nhau”*<sup>(5)</sup>. Ngôn ngữ và văn hoá như chất keo kết dính các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, tạo nên hình hài và bản sắc tộc người. Ngôn ngữ và văn hoá có khả năng bao quát một cách trực tiếp, đảm bảo tính bền vững mang tính kế thừa lịch sử và không bị trộn lẫn cả khi hội nhập thế giới.

Vì thế, sự thay đổi trong văn hóa được phản ánh trung thực bằng ngôn ngữ khi nó cung cấp những hiểu biết sâu sắc về sự hiểu biết và nhân rộng của sự thay đổi văn hóa. Điều đó khẳng định sự vận động trong giao tiếp của ngôn ngữ tạo ra sự chuyển động của văn hóa. Nghĩa là, sự thay đổi ngôn ngữ không chỉ phản ánh thay đổi văn hóa mà còn chịu trách nhiệm về quá trình thay đổi văn hóa. Quan trọng hơn, sự thay đổi trong ngôn ngữ dẫn đến đổi mới văn hóa và tạo ra sự phát

triển khả năng sáng tạo của con người trong bối cảnh mới.

Ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng trong các biểu hiện văn hóa. Hệ thống ngôn ngữ của mỗi ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là công cụ tái tạo để nói lên ý tưởng mà chính nó là người định hình các ý tưởng. Khi văn hóa năng động và luôn thay đổi, ngôn ngữ chính là tấm gương phản chiếu sự thay đổi. Trên thực tế, ngôn ngữ không chỉ phản ánh sự thay đổi, mà còn tạo điều kiện và tạo ra sự thay đổi. Khi các loại từ vựng thay đổi trong một ngôn ngữ diễn ra chiều hướng "giới thiệu một hình thức để mang những ý nghĩa mong muốn" hoặc được sử dụng để 'giải nén' ý nghĩa được diễn đạt" thì lúc đó, các bộ giá trị mới được hình thành. Khi các giá trị, nhận thức và ý tưởng mới được cố định trong ngôn ngữ, ngôn ngữ bắt đầu đóng vai trò tạo điều kiện cho sự thay đổi văn hóa. Theo dõi sự thay đổi trong ngôn ngữ và những ý nghĩa mới mà con người gắn liền với nó. Thông qua quá trình trải nghiệm, và khi con người có thể chấp nhận thì dần dần nó kết tinh và ổn định ý tưởng". Chẳng hạn, từ "yêu nước" đã kết tinh ý nghĩa của nó trong từng giai đoạn của lịch sử văn hóa Việt Nam, báo hiệu sự phù hợp của ngôn ngữ Việt Nam mang tính định hướng giá trị văn hóa từ thời kỳ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đến thời kỳ đổi mới xây dựng và phát triển đất nước. Kế thừa truyền thống của dân tộc, vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho việc xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách nhằm khơi dậy, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nhưng ở từng giai đoạn, từng hoàn cảnh có cách thể hiện, mức độ khác nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại càng sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"<sup>(3)</sup>. Tại Đại hội III, trong bối cảnh cách mạng Việt Nam thực hiện hai nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, đánh đuổi đế quốc Mỹ và tay sai ở Miền Nam, Đảng xác định đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên

chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là “phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn và truyền thống phấn đấu anh dũng, lao động cần cù của nhân dân ta”; ở miền Nam là “phát huy đến cao độ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân; không ngừng vạch trần những âm mưu và hành động gian ác của đế quốc Mỹ và bọn tay sai”. Đại hội VI – Đại hội của đổi mới, Đảng xác định bồi dưỡng tinh thần yêu nước là nội dung quan trọng, là động lực trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước tiến lên. Đặc biệt là Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), ban hành Nghị quyết “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, trong đó, xác định yêu nước, xây dựng lòng yêu nước là giá trị hàng đầu của con người Việt Nam nhằm xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân-thiện-mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Vì thế, sự thay đổi trong một nền văn hóa được phản ánh và tạo điều kiện cho thay đổi từ vựng trong một ngôn ngữ được diễn ra có thể phụ thuộc vào 3 yếu tố căn bản: (1) vật lý môi trường, (2) môi trường xã hội, và (3) các giá trị của một xã hội.

Lịch sử dân tộc Việt Nam là một quá trình diễn biến những sự kiện rất phong phú và đa dạng. Văn hoá là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình ấy, làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc Việt Nam vượt qua sóng gió và thác ghềnh để không ngừng phát triển, lớn mạnh, viết nên những trang sử hào hùng. Trải qua các giai đoạn lịch sử, đứng trước sự thách thức và ứng phó, văn hoá Việt Nam ngày càng phát triển. Trên bình diện chính thể, nó cũng mang nét riêng của mỗi thời kỳ khác nhau. Bởi vậy, muốn hiểu được văn hoá Việt Nam, các nhà nghiên cứu phải phân chia sự phát triển của nó qua các giai đoạn. Trên thực tế, nhiều nhà nghiên cứu phân chia tiến trình văn hóa Việt Nam thành 6 giai đoạn là: 1) Văn hóa tiền sử; 2) Văn hóa Văn Lang - Âu Lạc; 3) Văn hóa thời chống Bắc thuộc; 4) Văn hóa Đại Việt; 5) Văn hóa Đại Nam; 6) Văn hóa hiện đại. Sáu giai đoạn này tạo thành ba lớp: lớp văn hóa bản địa, lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực, lớp văn hóa giao lưu với phương Tây<sup>(6)</sup> Việt Nam đã trải qua quá trình chuyển đổi xã hội trong tất cả các khía cạnh này trong nhiều

thế kỷ, chuyển từ một xã hội phong kiến sang nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, Việt Nam lấy hệ tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận của cách mạng Việt Nam. Sự thay đổi của giá trị hệ thống được phản ánh và tạo điều kiện thuận lợi bởi sự thay đổi trong kho từ vựng từ việc truyền tải các giá trị truyền thống để thiết lập các ý tưởng văn hóa đương đại ở Việt Nam.

Giá trị văn hóa do con người ở mỗi xã hội nhất định sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, nhưng một khi hệ giá trị văn hóa đã hình thành thì nó lại có *vai trò định hướng* cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong các xã hội ấy. Nó cũng chính là một thứ vốn xã hội<sup>(7)</sup>. Khi đó, giá trị kết nối con người với nhau thông qua việc cùng chia sẻ giá trị, tạo nên tinh đoàn kết và sức mạnh; đồng thời, cũng có thể tạo nên những biểu tượng thể hiện những giá trị đó. Những nhân vật lịch sử, như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung... không chỉ là những con người cụ thể, mà quan trọng hơn, đại diện cho những giá trị mà dân tộc tôn vinh. Như thế, khi nói bản chất của giá trị hay nói tới vai trò định hướng, chi phối, điều tiết của hệ giá trị thì về thực chất chúng ta đang nói tới mối quan hệ đa chiều của con người. Cũng như văn hóa, giá trị được sản sinh từ các mối quan hệ con người với tự nhiên, với xã hội, với chính cả con người.

Trải qua nghìn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, dưới các triều đại phong kiến, ngôn ngữ chính thống là ngôn ngữ Hán, nhưng cũng là thời gian tiếng Việt tỏ rõ sức sống đấu tranh tự bảo tồn và phát triển. Chữ Hán được đọc theo cách của người Việt, gọi là cách *đọc Hán - Việt* và được Việt hóa bằng nhiều cách tạo ra nhiều từ Việt thông dụng. Tiếng Việt phát triển phong phú đi đến ra đời hệ thống chữ viết ghi lại tiếng Việt trên cơ sở văn tự Hán vào thế kỷ X, gọi là *chữ Nôm*.

Đến thời kỳ thuộc Pháp và chống Pháp thuộc, chữ Hán dần bị loại bỏ, thay thế bằng tiếng Pháp dùng trong ngôn ngữ hành chính, giáo dục, ngoại giao. *Chữ Quốc ngữ* là sản phẩm của một số giáo sĩ phương Tây trong đó có Alexandre de Rhodes hợp tác với một số người Việt Nam dựa vào bộ chữ cái Latinh để ghi âm tiếng Việt dùng trong việc truyền giáo từ hồi thế kỷ XVII. Chữ Quốc ngữ dần được

hoàn thiện, phổ cập, trở thành công cụ văn hóa quan trọng. Đến cuối thế kỷ XIX đã có sách báo xuất bản bằng chữ Quốc ngữ. Với sự ra đời chữ Quốc ngữ, có lợi thể đơn giản về hình thể kết cấu, cách viết, cách đọc, văn xuôi tiếng Việt hiện đại thực sự hình thành, tiếp nhận thuận lợi các ảnh hưởng tích cực của ngôn ngữ văn hóa phương Tây.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiếng Việt và chữ Quốc ngữ giành được địa vị độc tôn, phát triển dồi dào, là ngôn ngữ đa năng dùng trong mọi lĩnh vực, ở mọi cấp học, phản ánh mọi hiện thực cuộc sống. Tuy vậy, bên cạnh tiếng Việt phổ thông, một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng có chữ viết riêng ngôn ngữ riêng.

Trong những hoàn cảnh lịch sử và xã hội cụ thể, mỗi dân tộc đều tồn tại *hệ giá trị tổng quát và những hệ giá trị bộ phận*. Hệ giá trị tổng quát bao gồm những giá trị chung nhất, mang tính phổ quát, có vai trò định hướng đối với tư duy và hành động của cả cộng đồng. Ví dụ, GS. Trần Văn Giàu đã nêu 7 giá trị mang tính tổng quát nhất của dân tộc Việt Nam, đó là: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII nêu những đức tính nổi bật của bản sắc Việt Nam, cũng có thể hiểu đó là các giá trị của con người Việt Nam: Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, tinh cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI cũng nhấn mạnh, trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Những thập niên vừa qua, một số ý kiến đưa ra hệ giá trị chung của châu Á: hiếu học, cộng đồng, cần cù, huyết thống. Bên cạnh những giá trị tổng quát như vậy, trong từng lĩnh vực của đời sống, hoạt động của con người và từng nhóm xã hội thì người ta lại đúc rút nên các giá trị, có vai trò định hướng trong từng lĩnh vực riêng lẻ. Ví dụ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đang lựa chọn 4 phẩm chất, đồng thời cũng là 4 giá trị của phụ nữ

Việt Nam hiện đại là: tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang.

*Hệ giá trị tổng quát và những hệ giá trị bộ phận* đó có tác động lớn đến tâm lý của Việt Nam về đạo đức và các giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần bao gồm các hoạt động đạo đức và tôn giáo, nghệ thuật và hoạt động trí tuệ, và các giá trị xã hội. Đặc biệt, chúng liên quan đến các hoạt động như giảng dạy đạo đức, nghi lễ, âm nhạc dân gian, và thờ cúng tổ tiên. Phong cách ngôn ngữ trong hầu hết các tác phẩm của Việt Nam truyền thống hàm chứa giá trị dưới dạng các câu tục ngữ, những câu nói dí dỏm và những phép ẩn dụ dễ lĩnh hội và ghi nhớ.

Sự thay đổi văn hóa lớn đã diễn ra ở Việt Nam sau năm 1945- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ đây, đất nước, xã hội, dân tộc và con người Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hoặc là, giá trị mới được hình thành diễn ra kể từ khi đất nước tiến hành đổi mới năm 1986. Các lớp từ vựng thay đổi và tác động đối với sự thay đổi của văn hóa Việt Nam định hướng giá trị.

Kể từ khi cải cách kinh tế vào những năm 1986, giá trị truyền thống gắn liền với sự dung dị, vật chất giản đơn đã được thử thách khi các giá trị văn hóa Việt Nam đã bắt đầu thay đổi theo các khía cạnh sau:

(1) khái niệm trở nên giàu có đã được chấp nhận rộng rãi,

(2) mọi người chuẩn bị tâm lý nhiều hơn cho kinh tế thị trường,

(3) cạnh tranh được coi trọng nhiều,

(4) doanh nghiệp tư nhân được đánh giá cao hơn,

(5) tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học chọn kinh doanh hoặc làm việc trong các công ty liên quan đến kinh doanh ngày càng tăng,

(6) mọi người bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của các nguồn lực,

(7) mọi người mong muốn thay đổi và bắt đầu hợp lý hóa quá trình cải cách kinh tế.

Ngôn ngữ mới cũng xuất hiện để đặc tả những diễn biến mới của môi trường xã hội phát triển. Kể từ đầu những năm 1986, các cụm từ mô tả mô hình phát triển ở Việt Nam xuất hiện với tần xuất cao như "cải cách và

mở cửa, "nền văn minh vật chất, "lợi nhuận và hiệu quả;" "cạnh tranh công bằng", "đổi mới sáng tạo"... Đây là những cách diễn đạt chính thức được sử dụng bởi các phương tiện truyền thông do chính phủ kiểm soát như một hình thức mới của tuyên truyền. Trong diễn trình đó, người Việt Nam không mất nhiều thời gian để tự điều chỉnh theo cái mới ngôn ngữ và các giá trị văn hóa mới khi chúng được chứng thực và được thúc đẩy bởi chính phủ. Hơn nữa, một nhóm những phép ẩn dụ được tạo ra bởi những người bình thường để làm sống động sự mô tả và dán nhãn cho sự thay đổi. Các từ chẳng hạn như "đi ra biển", "rất lửa"...- dùng để chỉ việc thay đổi những ngành nghề có thu nhập cao.

Trong bối cảnh mới, xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải là sự kết tinh, hòa quyện từ các giá trị văn hóa chung, phổ quát của dân tộc, nhân loại với các giá trị văn hóa riêng có của mỗi cộng đồng, tộc người, địa phương, để từ đó khai thác, phát huy thế mạnh của những nét riêng. Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải được cụ thể hóa thành các tiêu chí, mục tiêu phấn đấu của mỗi con người, mỗi cộng đồng, tộc người, trở thành niềm kiêu hãnh, sức mạnh và khả năng "đề kháng, miễn dịch" trước những tác động của toàn cầu hóa và nô dịch văn hóa.

Hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam phải trở thành hệ giá trị công dân Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới. Kiến tạo con người Việt Nam với những phẩm chất, năng lực và bản lĩnh... có thể đối mặt, đương đầu với những thách thức, khó khăn trong xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước phồn vinh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

### 3. Kết luận

Thực chất, đây là nghiên cứu bước đầu về một nội dung rất phức tạp, song thông qua nội dung trên chúng tôi muốn gợi ra 3 hàm ý:

*Đầu tiên*, ngôn ngữ nói chung, khu vực từ vựng nói riêng, là cầu nối để mọi người học

hoặc hiểu các định hướng giá trị văn hóa. Trong khi âm thanh và cấu trúc của ngôn ngữ tương đối ổn định, từ vựng của ngôn ngữ luôn thay đổi phản ánh động lực văn hóa và đa dạng văn hóa. Bằng cách thu thập, kiểm tra và phân tích từ vựng thay đổi trong một ngôn ngữ, kiến thức của chúng ta về giá trị văn hóa sẽ được nâng cao và luôn cập nhật.

*Thứ hai*, từ nhận biết mối quan hệ biện chứng giữa thay đổi văn hóa và ngôn ngữ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn về giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho văn hóa phát triển năng động và hiệu quả hơn trong bối cảnh mới.

*Cuối cùng*, thấu hiểu một nền văn hóa từ ngôn ngữ có thể giúp mọi người gia tăng quá trình tiếp biến văn hóa, thiết lập sự chia sẻ. Các tác động qua lại giữa khả năng diễn đạt của ngôn ngữ và văn hóa tạo ra sẽ làm cho con người đạt hiệu quả cao qua trải nghiệm và mở rộng tầm nhìn.

---

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
3. Hồ Chí Minh - *Toàn tập* (2011), Tập 7, Nxb CTQG, Hà Nội, tr. 38.
4. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội,
5. Tạp chí Người đưa tin UNESCO, số 4, tháng 05/2000, trang 20.
6. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hn, , tr.38.
7. Ngô Đức Thịnh (2008), *Tiếp cận nghiên cứu nông thôn Việt Nam từ mạng lưới xã hội và vốn xã hội*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.